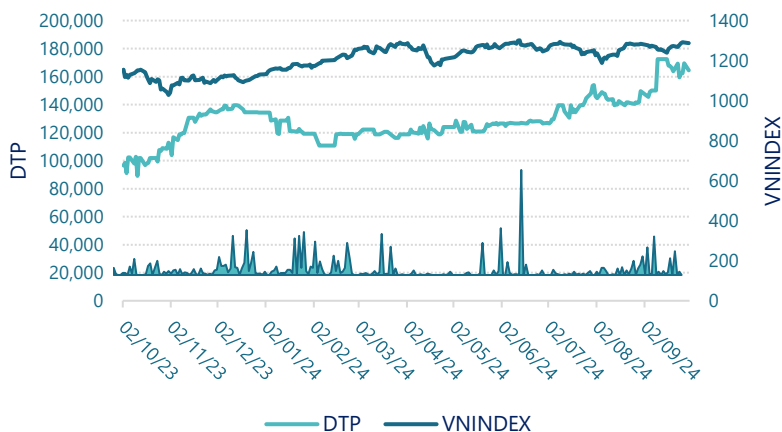




CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội (UPCOM: DTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	164,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	172,470
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	89,120
SL cổ phiếu LH	16,229,042
KLGD BQ 20 phiên (CP)	625
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,676
P/E	11.1
EPS	14,886

DT thuần

Q3/24

310

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 3.0%

YoY: ▲ 14.0 | 4.7%

LN sau thuế

Q3/24

70.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.70 | 8.8%

YoY: ▼ 3.40 | -4.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

24.4%

+/- YoY: ▼ 3.3%

DT thuần

9T 2024

895

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 106 | 13.5%

LN sau thuế

9T 2024

193

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.0 | 19.3%

ROE

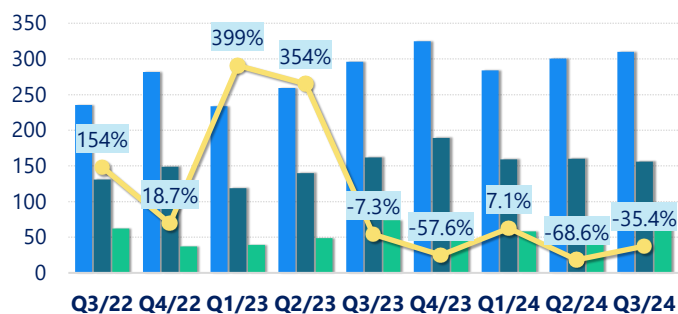
Q3/24

29.0%

+/- YoY: ▼ 1.8%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

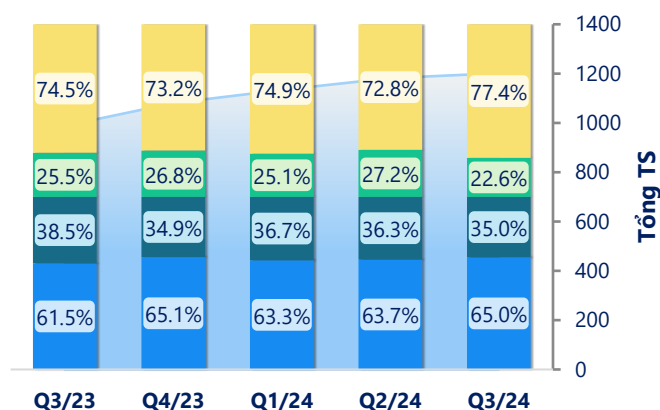


- Doanh thu thuần
- Lợi nhuận gộp
- Lợi nhuận sau thuế
- Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

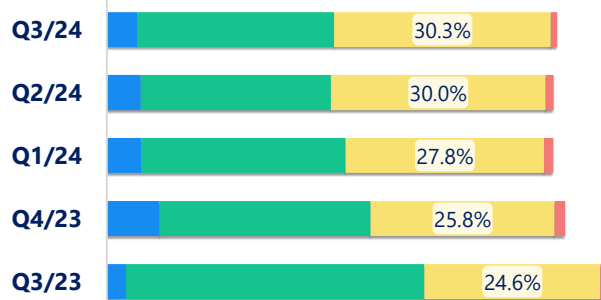
tỷ VNĐ



- Tổng tài sản
- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

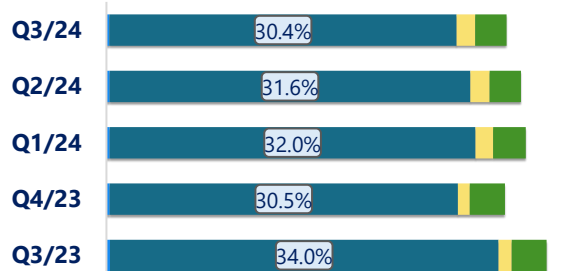
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



- Tiền và TĐ tiền
- Phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- TSNH khác
- Đầu tư TC ngắn hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

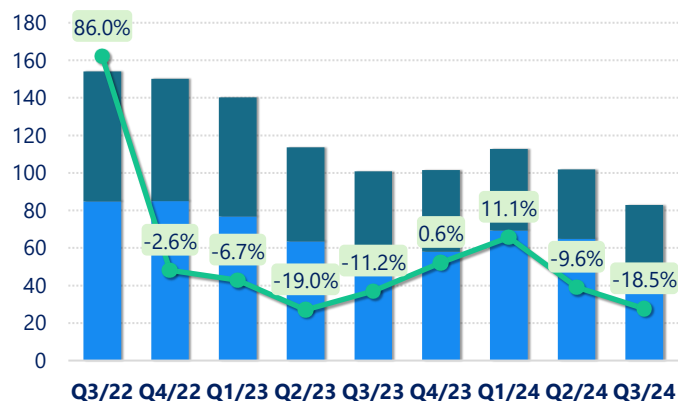


- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dài hạn khác
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

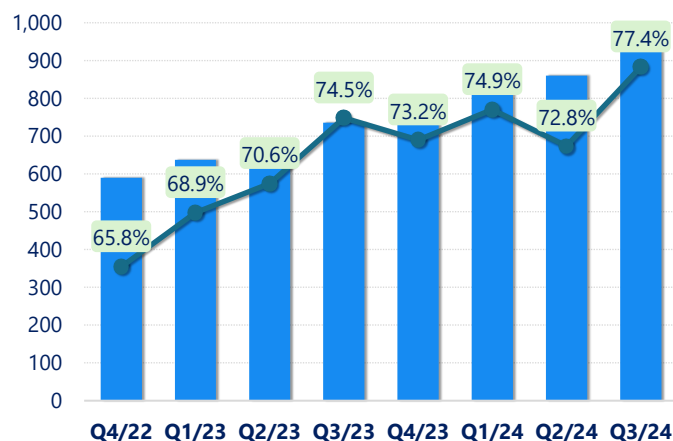


- Vay và nợ thuê ngắn hạn
- Vay và nợ thuê dài hạn
- Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

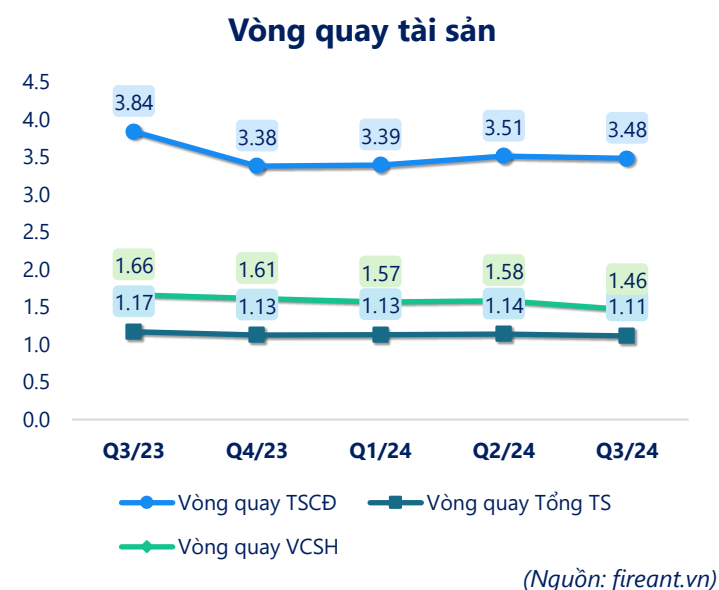
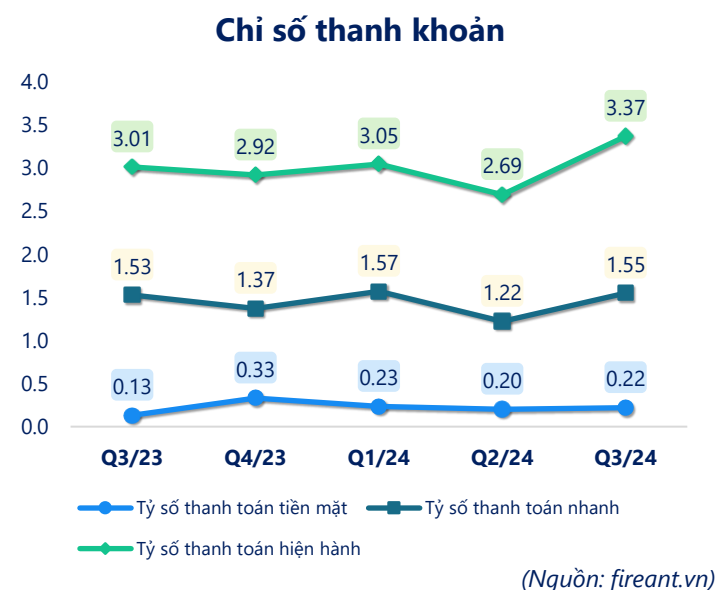
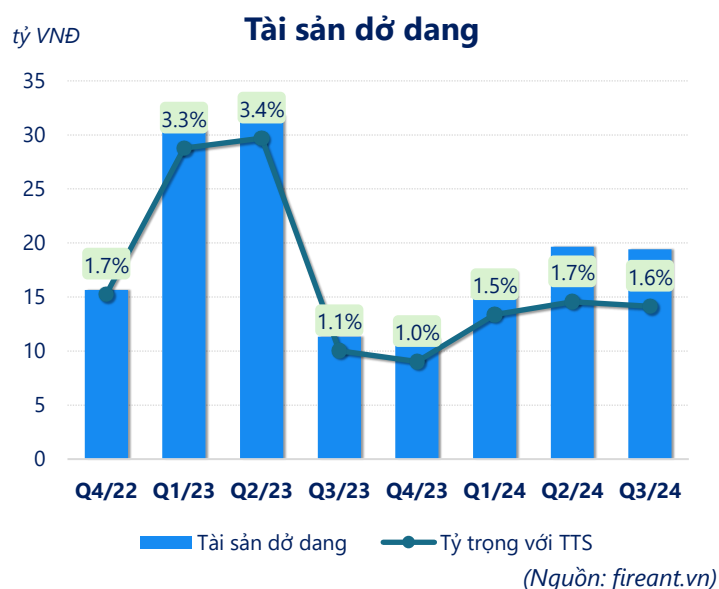
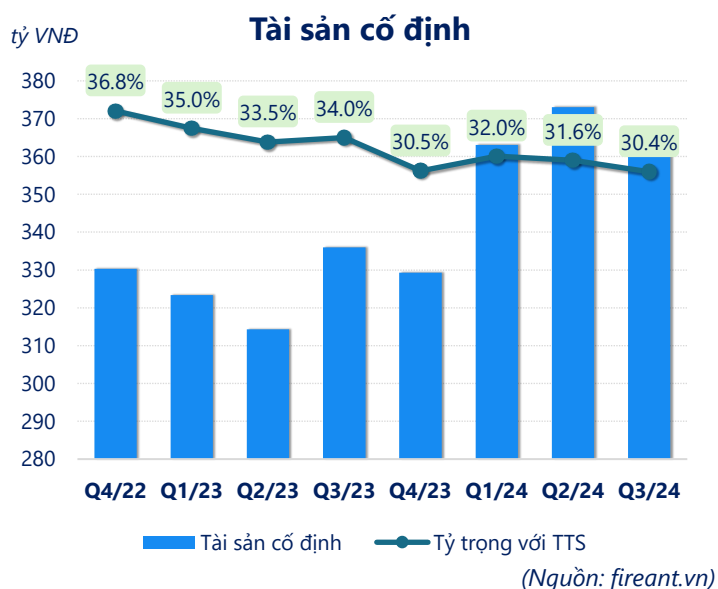
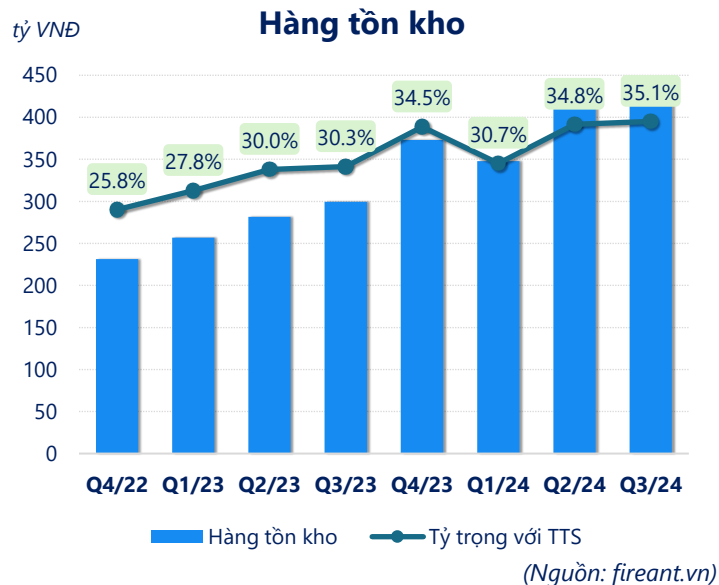
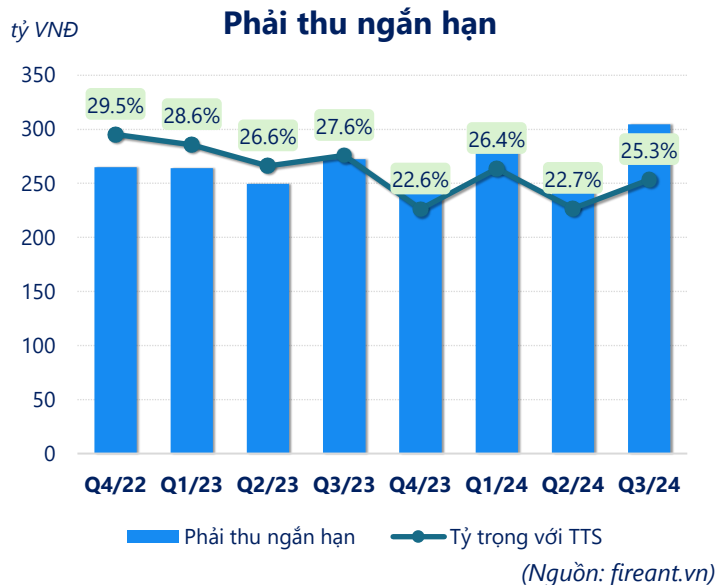
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



- Vốn chủ sở hữu
- Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	988	1,081	1,133	1,181	1,201
Tài sản ngắn hạn	607	704	717	753	781
Tiền và tương đương tiền	26.5	79.8	55.0	56.3	50.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	10.0	10.0	0
Phải thu ngắn hạn	272	244	299	268	305
Hàng tồn kho	300	373	348	411	422
Tài sản ngắn hạn khác	8.85	6.48	5.61	7.27	3.43
Tài sản dài hạn	381	377	416	428	421
Phải thu dài hạn	2.98	3.01	3.02	3.21	3.17
Tài sản cố định	336	329	363	373	365
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.3	11.1	17.3	19.6	19.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	30.2	33.3	32.5	32.5	32.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	252	290	284	321	271
Nợ ngắn hạn	202	241	235	280	232
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.6	58.0	69.3	64.9	46.0
Phải trả người bán ngắn hạn	49.3	62.5	57.9	76.2	81.6
Nợ dài hạn	50.6	48.6	48.6	41.3	39.3
Vay và nợ thuê dài hạn	48.2	43.5	43.5	37.0	37.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	736	791	849	860	930
Vốn chủ sở hữu	736	791	849	860	930
Vốn điều lệ	162	162	162	162	162
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)